

Preliminary 2025 Vietnam Hippo 2 Results

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
1	13042601	CHU BAO HA	34	30	64
2	13042679	CAO HOANG THUY DUONG	34	30	64
3	13042784	CAO KHANH NAM	33	30	63
4	13042891	LE PHAN NHU Y	33	30	63
5	13042620	TRAN HUONG KHANH AN	34	28,5	62,5
6	13042630	NGUYEN HOANG LAM ANH	34	28,5	62,5
7	13042653	DUONG MINH CHAU	34	28,5	62,5
8	13042697	DUONG DUC HAI	34	28,5	62,5
9	13042718	TRAN THI HUYEN	34	28,5	62,5
10	13042720	NGUYEN HOANG AN KHANG	34	28,5	62,5
11	13042746	NGUYEN PHAN HA LINH	34	28,5	62,5
12	13042779	PHAM XUAN NHAT MINH	34	28,5	62,5
13	13042866	BUI NGUYEN DUC TRI	34	28,5	62,5
14	13042876	PHAM MINH UYEN	34	28,5	62,5
15	13042786	DAO PHUONG NAM	33	28,5	61,5
16	13042799	NGUYEN PHAM BAO NGOC	33	28,5	61,5
17	13042654	LE HOANG BAO CHAU	34	27	61
18	13042659	DAO KHANH CHI	34	27	61
19	13042714	PHAN DUC HUY	34	27	61
20	13042722	VU MINH KHANG	34	27	61
21	13042776	PHAM DUC MINH	34	27	61
22	13042797	NGUYEN BAO NGOC	34	27	61
23	13042832	TRAN VU HOANG PHUC	34	27	61
24	13042836	NGO HA PHUONG	34	27	61
25	13042767	DOAN NGUYET MINH	32	28,5	60,5
26	13042763	TRAN CONG MANH	33	27	60
27	13042775	NGUYEN TIEN MINH	33	27	60
28	13042840	NGUYEN MANH QUAN	33	27	60
29	13042848	TRAN QUOC THAI	33	27	60
30	13042884	LE HOANG VU	33	27	60
31	13042887	LY PHUONG VY	33	27	60
32	13042868	NGUYEN DO DUC TRI	33	27	60
33	13042642	TRAN DUY ANH	34	25,5	59,5
34	13042705	CHU GIA HAO	31	28,5	59,5
35	13042715	TRAN DUC HUY	34	25,5	59,5
36	13042747	NGUYEN PHUONG LINH	34	25,5	59,5
37	13042792	NGUYEN THI KIM NGAN	31	28,5	59,5
38	13042824	LAI BAO PHONG	34	25,5	59,5
39	13042605	VAN NGOC LAM	34	25,5	59,5
40	13042822	CHAU HOANG NAM PHONG	34	25,5	59,5
41	13042662	PHAM KHANH CHI	32	27	59
42	13042759	TRAN VU DUC LONG	32	27	59
43	13042595	NGUYEN KHANH LINH	33	25,5	58,5
44	13042617	NGUYEN TRUNG AN	33	25,5	58,5

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
45	13042646	VU DIEU ANH	33	25,5	58,5
46	13042825	LE MINH HAI PHONG	33	25,5	58,5
47	13042633	NGUYEN MY ANH	33	25,5	58,5
48	13042648	NGHIEM PHAM BANG BANG	34	24	58
49	13042687	TRAN LAN TRUONG GIANG	34	24	58
50	13042694	NGUYEN THANH HA	34	24	58
51	13042727	NHAM VU KHANH	34	24	58
52	13042728	TRAN NGUYEN HAI KHANH	34	24	58
53	13042730	PHAN VAN KHIEM	34	24	58
54	13042755	NGUYEN DO DUY LONG	34	24	58
55	13042821	NGUYEN SON PHAT	31	27	58
56	13042859	NGUYEN TOAN	34	24	58
57	13042817	PHAM HOANG DONG NHI	34	24	58
58	13042638	PHUONG BAO ANH	32	25,5	57,5
59	13042736	TRAN BAO KIM	32	25,5	57,5
60	13042660	NGUYEN HA CHI	33	24	57
61	13042675	VO MINH MINH DUC	33	24	57
62	13042676	CHU TRI DUE	33	24	57
63	13042738	HOANG KHANH LAM	33	24	57
64	13042829	NGUYEN THANH PHONG	33	24	57
65	13042674	LE NGUYEN NGUYEN DUC	33	24	57
66	13042603	NGO VAN KHANH	34	22,5	56,5
67	13042604	PHAM ANH KHOI	34	22,5	56,5
68	13042621	TRAN NGUYEN HA AN	34	22,5	56,5
69	13042627	NGUYEN BAO ANH	34	22,5	56,5
70	13042640	THAI BAO ANH	31	25,5	56,5
71	13042657	TRAN THIEN TO CHAU	31	25,5	56,5
72	13042658	TRINH VAN MINH CHAU	28	28,5	56,5
73	13042716	TRAN GIA HUY	34	22,5	56,5
74	13042717	TRAN VIET BAO HUY	34	22,5	56,5
75	13042726	NGUYEN MAI KHANH	31	25,5	56,5
76	13042744	HOANG BAO LINH	31	25,5	56,5
77	13042816	NGUYEN CHAU NHI	34	22,5	56,5
78	13042865	NGUYEN BAO TRANG	34	22,5	56,5
79	13042768	DOAN THAO MINH	32	24	56
80	13042802	DO BA GIA NGUYEN	32	24	56
81	13042616	NGUYEN TRAN THANH AN	33	22,5	55,5
82	13042680	LE ANH DUONG	33	22,5	55,5
83	13042696	VU NGAN HA	33	22,5	55,5
84	13042734	BUI TUAN KIET	33	22,5	55,5
85	13042741	LE HONG BAO LAN	33	22,5	55,5
86	13042761	PHAN THANH MAI	33	22,5	55,5
87	13042877	LE KHANH VAN	33	22,5	55,5
88	13042883	DUONG NGUYEN VU	33	22,5	55,5

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
89	13042597	NGUYEN HA ANH	31	24	55
90	13042695	NGUYEN THI NGOC HA	34	21	55
91	13042706	TA THAO HIEN	31	24	55
92	13042711	PHAM GIA HUNG	34	21	55
93	13042773	NGUYEN HUNG MINH	34	21	55
94	13042778	PHAM TUAN MINH	34	21	55
95	13042785	DANG KHANH NAM	34	21	55
96	13042794	BUI THI MINH NGOC	31	24	55
97	13042805	NGUYEN PHUC NGUYEN	34	21	55
98	13042835	HA LE PHUONG	34	21	55
99	13042733	PHAM DUC KIEN	32	22,5	54,5
100	13042804	LE HUY KHOI NGUYEN	32	22,5	54,5
101	13042856	NGUYEN THU THUY	32	22,5	54,5
102	13042594	TRAN GIA HUY	33	21	54
103	13042634	NGUYEN THI NGOC ANH	33	21	54
104	13042639	QUACH BAO ANH	33	21	54
105	13042693	NGUYEN BAO HA	33	21	54
106	13042732	NGUYEN LUONG TRUNG KIEN	33	21	54
107	13042748	THAI GIA LINH	33	21	54
108	13042764	DANG CHAU MINH	33	21	54
109	13042769	HOANG HAI MINH	30	24	54
110	13042596	VU THI AN	34	19,5	53,5
111	13042611	CAO HOANG QUAN	34	19,5	53,5
112	13042686	NGUYEN LINH GIANG	34	19,5	53,5
113	13042690	DINH CAM HA	34	19,5	53,5
114	13042723	BUI VAN HA KHANH	34	19,5	53,5
115	13042757	NGUYEN HOANG BAO LONG	28	25,5	53,5
116	13042803	LE BACH NGUYEN	34	19,5	53,5
117	13042819	PHAM VU GIA NHU	34	19,5	53,5
118	13042612	LE PHUOC SANG	26	27	53
119	13042637	PHAM QUANG ANH	32	21	53
120	13042650	DINH PHU BINH	32	21	53
121	13042713	LE NGUYEN NHAT HUY	32	21	53
122	13042801	PHAM KHANH NGOC	32	21	53
123	13042672	DANG QUANG DUC	33	19,5	52,5
124	13042700	NGUYEN HOANG NGOC HAN	33	19,5	52,5
125	13042712	TRAN DUY HUNG	27	25,5	52,5
126	13042735	NGUYEN NGOC THIEN KIM	33	19,5	52,5
127	13042788	LE BAO NAM	33	19,5	52,5
128	13042793	PHAM TRAN HAI NGAN	33	19,5	52,5
129	13042837	TRINH MAI PHUONG	33	19,5	52,5
130	13042867	DUONG QUOC TRI	33	19,5	52,5
131	13042655	NGUYEN MINH CHAU	31	21	52
132	13042698	BUI BAO HAN	34	18	52

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
133	13042704	TRINH GIA HAN	31	21	52
134	13042708	DOAN THE HUNG	34	18	52
135	13042742	DOAN KHANH LINH	34	18	52
136	13042796	HA BAO NGOC	34	18	52
137	13042807	NGUYEN VINH NGUYEN	34	18	52
138	13042820	HOANG PHUONG NHUNG	34	18	52
139	13042888	NGUYEN DANG TUONG VY	34	18	52
140	13042685	NGO HUONG GIANG	32	19,5	51,5
141	13042688	CHU NGOC HA	29	22,5	51,5
142	13042725	HOANG MINH KHANH	32	19,5	51,5
143	13042739	NGUYEN TUNG LAM	32	19,5	51,5
144	13042885	LE MINH VU	32	19,5	51,5
145	13042645	TRUONG TU ANH	33	18	51
146	13042743	DUONG THAO LINH	33	18	51
147	13042854	NGUYEN HA ANH THU	30	21	51
148	13042858	NGUYEN ANH THY	30	21	51
149	13042875	NGUYEN DO KHANH UYEN	33	18	51
150	13042878	MAI TUONG VAN	33	18	51
151	13042618	PHAM HA AN	31	19,5	50,5
152	13042666	DOAN LINH DAN	34	16,5	50,5
153	13042752	TRINH PHUONG LINH	34	16,5	50,5
154	13042809	CAO NGUYEN THIEN NHAN	28	22,5	50,5
155	13042610	HO HUU MINH PHUC	32	18	50
156	13042669	HA HAI DANG	26	24	50
157	13042751	TRAN PHAM PHUONG LINH	32	18	50
158	13042782	PHAM TRAN HA MY	32	18	50
159	13042881	NGUYEN CANH VINH	32	18	50
160	13042609	NGUY TUAN PHONG	33	16,5	49,5
161	13042636	PHAM HA ANH	33	16,5	49,5
162	13042652	NGO BINH	33	16,5	49,5
163	13042661	NGUYEN KHANH CHI	33	16,5	49,5
164	13042681	NGUYEN THUY DUONG	33	16,5	49,5
165	13042811	NGUYEN HOANG MINH NHAT	33	16,5	49,5
166	13042838	LE TRAN ANH QUAN	33	16,5	49,5
167	13042846	DAO TRUC QUYNH	33	16,5	49,5
168	13042855	NGUYEN MINH THU	33	16,5	49,5
169	13042864	LUU BAO TRANG	33	16,5	49,5
170	13042599	BUI MINH CHAU	34	15	49
171	13042608	TRAN LAM NGUYEN	34	15	49
172	13042678	NGUYEN DINH TRI DUNG	31	18	49
173	13042765	DAO DOAN NHAT MINH	31	18	49
174	13042833	CHU NHU PHUONG	34	15	49
175	13042598	LE DUY BACH	29	19,5	48,5
176	13042622	TRAN TUE AN	32	16,5	48,5

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
177	13042684	LE NHAT HUONG GIANG	26	22,5	48,5
178	13042689	DAO KHANH HA	32	16,5	48,5
179	13042762	DUONG TUE MAN	32	16,5	48,5
180	13042844	VU MINH QUAN	32	16,5	48,5
181	13042629	NGUYEN HOANG ANH	33	15	48
182	13042673	LE ANH DUC	33	15	48
183	13042703	TRAN VU BAO HAN	33	15	48
184	13042845	NGUYEN HOANG QUYEN	33	15	48
185	13042780	NGUYEN HA MY	30	18	48
186	13042606	VO HAI LAM	34	13,5	47,5
187	13042668	PHAM NGOC YEN DAN	34	13,5	47,5
188	13042671	TRAN KHANH DAT	31	16,5	47,5
189	13042692	LE THU HA	31	16,5	47,5
190	13042790	PHAM VU BAO NAM	31	16,5	47,5
191	13042886	LE NHAT VY	31	16,5	47,5
192	13042889	NGUYEN LONG VY	34	13,5	47,5
193	13042863	LE THI BAO TRAN	34	13,5	47,5
194	13042613	TRAN QUYNH THU	31	16,5	47,5
195	13042600	NGUYEN KHANH DANG	32	15	47
196	13042853	BUI ANH THU	29	18	47
197	13042812	PHAN THANH NHAT	32	15	47
198	13042781	NGUYEN HONG HA MY	30	16,5	46,5
199	13042823	DINH DANG NHAT PHONG	33	13,5	46,5
200	13042834	DO HA PHUONG	33	13,5	46,5
201	13042677	LE HUU DUNG	31	15	46
202	13042707	NGUYEN HA QUYNH HOA	31	15	46
203	13042791	WANG AN NAM	31	15	46
204	13042843	VU MINH QUAN	31	15	46
205	13042851	NGUYEN PHAN HUY THANH	31	15	46
206	13042643	TRAN QUYNH ANH	34	12	46
207	13042750	TRAN KHANH LINH	31	15	46
208	13042631	NGUYEN HUY ANH	32	13,5	45,5
209	13042830	DUONG VAN PHU	32	13,5	45,5
210	13042849	TRAN DO HAI THANG	32	13,5	45,5
211	13042593	NGUYEN KHAI TRUONG	32	13,5	45,5
212	13042699	HUYNH LE NGOC HAN	32	13,5	45,5
213	13042702	PHAM QUYNH BAO HAN	33	12	45
214	13042892	NGUYEN NGOC KHANH YEN	30	15	45
215	13042623	BUI TRUNG ANH	31	13,5	44,5
216	13042632	NGUYEN MINH ANH	31	13,5	44,5
217	13042649	LUU QUOC THIEN BAO	34	10,5	44,5
218	13042683	LE HUONG GIANG	31	13,5	44,5
219	13042814	HOANG UYEN NHI	31	13,5	44,5
220	13042815	KIM YEN NHI	31	13,5	44,5

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
221	13042852	PHAM CHI THANH	31	13,5	44,5
222	13042860	NGUYEN DUC TOAN	31	13,5	44,5
223	13042874	NGUYEN DAC TUNG	31	13,5	44,5
224	13042626	LUONG BAO ANH	29	15	44
225	13042644	TRINH MINH ANH	32	12	44
226	13042710	NGUYEN QUANG HUNG	32	12	44
227	13042772	NGUYEN HAI MINH	29	15	44
228	13042628	DO CHAU ANH	30	13,5	43,5
229	13042749	TONG KHANH LINH	33	10,5	43,5
230	13042813	TRAN QUANG NHAT	30	13,5	43,5
231	13042635	NGUYEN TU ANH	34	9	43
232	13042731	TRAN BAO KHOI	31	12	43
233	13042783	TRUONG HA MY	31	12	43
234	13042841	NGUYEN MINH QUAN	34	9	43
235	13042857	CU XUAN THY	31	12	43
236	13042721	TRUONG QUANG BAO KHANG	29	13,5	42,5
237	13042651	DONG AN BINH	27	15	42
238	13042670	TRAN HAI DANG	30	12	42
239	13042719	LEE NGUYEN SEO IN	33	9	42
240	13042619	PHAN HOANG KHANH AN	30	12	42
241	13042818	PHAM QUYNH NHI	27	15	42
242	13042641	TIEU NGOC ANH	31	10,5	41,5
243	13042663	TONG KHANH CHI	31	10,5	41,5
244	13042709	DONG GIA HUNG	31	10,5	41,5
245	13042882	DAU NGUYEN VU	31	10,5	41,5
246	13042890	NGUYEN TUONG VY	31	10,5	41,5
247	13042754	NGO TRAN VIET LONG	28	13,5	41,5
248	13042770	MAI GIA BAO MINH	32	9	41
249	13042787	DO HAI NAM	29	12	41
250	13042870	DO TRAN ANH TU	29	12	41
251	13042602	PHAM TRUNG HAI	30	10,5	40,5
252	13042607	DUONG BAO LONG	30	10,5	40,5
253	13042656	NGUYEN THI MINH CHAU	30	10,5	40,5
254	13042756	NGUYEN DUC LONG	33	7,5	40,5
255	13042760	NGUYEN NGOC KHANH LY	30	10,5	40,5
256	13042771	NGUYEN DUC MINH	30	10,5	40,5
257	13042789	NGUYEN BAO NAM	27	13,5	40,5
258	13042800	NGUYEN THI THANH NGOC	30	10,5	40,5
259	13042614	NGUYEN HA AN	29	10,5	39,5
260	13042664	HOANG VIET CUONG	32	7,5	39,5
261	13042777	PHAM NGOC MINH	29	10,5	39,5
262	13042831	LUU GIA PHUC	29	10,5	39,5
263	13042872	PHAM TRUNG TUAN	26	13,5	39,5
264	13042880	VU DANH VIET	29	10,5	39,5

No	Cand no	Name & Surname	Reading	Use	TOTAL
265	13042828	NGUYEN NAM PHONG	29	10,5	39,5
266	13042615	NGUYEN NGOC NGAN AN	30	9	39
267	13042667	PHAM LINH DAN	27	12	39
268	13042724	DO NAM KHANH	30	9	39
269	13042729	VU DUY KHANH	27	12	39
270	13042647	TRINH XUAN BACH	29	9	38
271	13042847	HOANG NGOC TRUC QUYNH	29	9	38
272	13042827	NGUYEN HAI PHONG	30	7,5	37,5
273	13042842	PHAM VIET ANH QUAN	27	10,5	37,5
274	13042861	NGO NGOC BAO TRAM	28	9	37
275	13042869	DO NGUYEN MINH TRUNG	25	12	37
276	13042740	PHAM TUNG LAM	29	7,5	36,5
277	13042753	TRUONG HUU LOC	26	10,5	36,5
278	13042808	DO VU MINH NGUYET	26	10,5	36,5
279	13042879	NGO AI VAN	29	6	35
280	13042810	HA DO TRONG NHAN	26	6	32
281	13042691	LE ANH HA	24	7,5	31,5
282	13042745	NGUYEN LUU TRUC LINH	24	6	30
283	13042826	NGUYEN DUY HAI PHONG	27	3	30
284	13042839	NGO NGOC QUAN	22	7,5	29,5
285	13042758	NGUYEN VIET LONG	21	7,5	28,5
286	13042806	NGUYEN THAO NGUYEN	25	1,5	26,5
287	13042625	HA NGUYEN QUYNH ANH	16	9	25